

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp
Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 262/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án; số 74/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 và số 572/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 và số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa; số 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu vốn 43 dự án do Sở Xây dựng và Ban Quản lý dự án đầu tư xây

dựng khu vực: Hà Trung, Hoằng Hóa, Nông Cống, Nghi Sơn, Quảng Xương, Sầm Sơn, Thạch Thành, Thọ Xuân, Yên Định làm chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 48/TTr-SXD ngày 04/3/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 1858/SXD-HĐXD ngày 04/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa với những nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Từ “Hoàn thành trong năm 2025” thành “Hoàn thành trong năm 2026”.

2. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở:

a) Điều chỉnh, bổ sung hạng mục điện chiếu sáng:

- Phạm vi điều chỉnh, bổ sung: Tổng chiều dài chiếu sáng khoảng 9,7km; gồm các đoạn Km0+700 - Km1+500, Km3+300 - Km4+600; Km10+242 - Km15+050 và nút giao (Km8+123) với đường Văn - Trường - Thiện.

- Nguồn cấp điện:

+ Phạm vi đoạn Km0+700 - Km1+500, nguồn cấp điện là đầu nối vào hệ thống điện chiếu sáng đoạn Km0+00 - Km0+700 đã được phê duyệt.

+ Phạm vi đoạn Km3+300 - Km4+600, nguồn cấp điện là đầu nối vào đường dây trung thế 22kV tại cột số 6, nhánh rẽ Bơm Nga Vịnh 5, lộ 471 E9.47.

+ Phạm vi nút giao Km8+123, nguồn cấp điện là đầu nối vào đường dây hạ thế (0,4kV) tại cột 1.11 sau trạm biến áp số 3 Nga Văn.

+ Phạm vi đoạn Km10+242 - Km13+400, nguồn cấp điện là đầu nối vào đường dây trung thế 22kV tại cột số 7, nhánh rẽ Nga Thanh 4, lộ 477 E9.47.

+ Phạm vi đoạn Km13+400 - Km15+050, nguồn cấp điện là đầu nối vào đường dây trung thế 22kV tại cột số 118 trục chính lộ 477 E9.47.

- Cột đèn: Cột thép bát giác cao 11m (cột cao 9m, cần đèn cao 2,0m vươn 1,5m) sử dụng cho chiếu sáng 01 bên đường, loại cột cao 14m để tăng cường chiếu sáng tại các nút giao; bóng đèn Led loại 120W cho cột rời cần đơn cao 9m, loại 250W cho cần cao 14m.

- Trạm biến áp: Thiết kế 03 trạm biến áp 31,5kVA-22/0,4kV đặt tại các lý trình Km4+050, Km13+030 và Km14+130.

b) Điều chỉnh thiết kế cơ sở các hạng mục khác:

- Cập nhật, điều chỉnh giải pháp thiết kế một số công việc theo thiết kế xây dựng được Chủ đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 667/QĐ-SXD ngày 04/7/2024:

+ Điều chỉnh giải pháp xử lý nền đất yếu phạm vi đường đầu cầu phía mố M1 cầu Yên Hải - Km12+495,62 từ “*bằng giếng cát*” thành “*đào thay đất*”.

+ Điều chỉnh giải pháp xử lý nền đất yếu phạm vi đường hai đầu cầu tại cầu Kênh - Km13+375,65 từ “*bằng giếng cát*” thành “*bằng bắc thấm theo sơ đồ tam giác đều, $a=1,3m$, chiều sâu 11,4m*”.

+ Điều chỉnh giải pháp xử lý nền đường phạm vi trùng với bờ kênh Hưng Long (Km13+900-Km14+568) từ “*đào thay phần lớn bờ kênh, chiều sâu (2,5-5)m và cắm bắc thấm*” sang “*đào thay một phần bờ kênh, chiều sâu đào tính từ đáy kết cấu áo đường xuống 0,8m, đắp trả bằng đất với 0,3m đạt $K \geq 0,98$ và 0,5m đạt $K \geq 0,95$, trên đỉnh lớp đất $K \geq 0,98$ tại vị trí tiếp giáp giữa nền bờ kênh và nền đường mở rộng có tăng cường lưới địa kỹ thuật Polyester 200/50kN/m, rộng 4m (từ vị trí tiếp giáp về mỗi bên 2m) để tránh bị nứt phản ảnh*”.

- Điều chỉnh mặt đường lớp trên từ “*bê tông nhựa (BTN C19) dày 6cm*” thành “*BTN C16 dày 6cm*” để phù hợp với TCVN 13567-1:2022 theo Quyết định số 1279/QĐ-SGTVT ngày 09/12/2024 của Chủ đầu tư.

3. Tổng mức đầu tư (TMĐT) điều chỉnh: 1.042.178.424.000 đồng

(Một nghìn không trăm bốn mươi hai tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Trong đó:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	TMĐT theo QĐ số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
1	Bồi thường GPMB	410.598.000.000	354.615.984.000	-55.982.016.000
2	Xây dựng	533.046.522.000	561.028.234.000	27.981.712.000
4	Quản lý dự án	6.328.716.000	6.694.389.000	365.673.000
5	Tư vấn đầu tư	25.343.171.000	25.765.232.000	422.061.000
6	Chi phí khác	33.546.942.000	33.819.020.000	272.078.000
7	Dự phòng	80.475.127.000	60.255.565.000	-20.219.562.000
Tổng mức đầu tư		1.089.338.478.000	1.042.178.424.000	-47.160.054.000

(Chi tiết có phụ lục TMĐT điều chỉnh kèm theo)

4. Điều chỉnh, cập nhật tên địa điểm xây dựng: Từ “*Trên địa phận thị xã Bỉm Sơn và các huyện Hà Trung, Nga Sơn*” thành “*Trên địa phận phường Bỉm Sơn và các xã: Ba Đình, Nga Thắng, Nga Sơn và Tân Tiến, tỉnh Thanh Hóa*”. Đồng thời, điều chỉnh, cập nhật vị trí điểm đầu, điểm cuối dự án; cụ thể:

- Điểm đầu: Từ “*Thuộc địa phận phường Đông Sơn thị xã Bỉm Sơn*” thành “*Thuộc phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa*”.
- Điểm cuối: Từ “*Thuộc xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn*” thành “*Thuộc xã Tân Tiến, tỉnh Thanh Hóa*”.

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021, số 3060/QĐ-UBND ngày 12/8/2021, số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 và số 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Sở Xây dựng (Chủ đầu tư), Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng và tiếp tục rà soát điều chỉnh, bổ sung hạng mục điện chiếu sáng để tăng cường đảm bảo an toàn giao thông khi đưa dự án vào sử dụng; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

- Đồng ý chủ trương gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đối với các gói thầu có liên quan thuộc dự án; giao chủ đầu tư căn cứ nội dung quy định tại hợp đồng đã ký kết, khối lượng công việc còn lại của hợp đồng, nguyên nhân chậm tiến độ (chỉ xét đến nguyên nhân khách quan, không do lỗi của nhà thầu) và quy định của pháp luật có liên quan xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra, mốc thời gian hoàn thành hợp đồng các gói thầu, tiến hành đàm phán ký kết phụ lục hợp đồng các gói thầu có liên quan, đảm bảo không vượt thời gian thực hiện dự án đã được điều chỉnh.

- Đối với việc gia hạn thời gian thực hiện gói thầu số 05, Chủ đầu tư, Ban QLDA phải làm việc với Nhà thầu thực hiện phân khai, bóc tách các công việc chậm tiến độ do các nguyên nhân chủ quan, khách quan để xử lý các vấn đề phát sinh theo đúng các điều khoản hợp đồng đã ký và đúng với các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, quản lý chặt chẽ các chi phí của dự án (chi phí điều chỉnh giá liên quan đến các khối lượng chậm tiến độ...) đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND phường Bỉm Sơn và

Chủ tịch UBND các xã: Ba Đình, Nga Thắng, Nga Sơn và Tân Tiến; Giám đốc Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized initial 'M' followed by a series of loops and a horizontal stroke.

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án Đường giao thông từ Khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoàng Hóa.

(kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư		Chênh lệch (tăng +, giảm -)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
I	Chi phí bồi thường GPMB	410.598.000.000	Cộng 1-3	354.615.984.000	-55.982.016.000
1	Đoạn qua địa phận thị xã Bim sơn	23.976.000.000	Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND thị xã Bim Sơn	23.440.271.378	-535.728.622
2	Đoạn qua địa phận huyện Hà Trung	11.622.000.000	Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND huyện Hà Trung	11.622.072.846	72.846
3	Đoạn qua địa phận huyện Nga Sơn	375.000.000.000		319.553.640.000	-55.446.360.000
-	Phạm vi đã phê duyệt phương án bồi thường			311.508.538.000	
+	Đoạn qua xã Ba Đình		Biên bản bàn giao ngày 10/9/2025 giữa Ban QLDA ĐTXD khu vực Nga Sơn và UBND xã Ba Đình	8.870.889.000	
+	Đoạn qua xã Nga Thắng		Biên bản bàn giao ngày 29/8/2025 giữa Ban QLDA ĐTXD khu vực Nga Sơn và UBND xã Nga Thắng; Văn bản số 205/UBND-KT ngày 04/02/2026 của UBND xã Nga Thắng	10.700.979.000	
+	Đoạn qua xã Nga Sơn		Văn bản số 313/UBND-KT ngày 07/02/2026 của UBND xã Nga Sơn	246.749.961.000	
+	Đoạn qua xã Tân Tiến		Văn bản số 154/UBND-KT ngày 05/02/2026 của UBND xã Tân Tiến	45.186.709.000	

STT	Nội dung chi phí	Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư		Chênh lệch (tăng +, giảm -)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
-	Phạm vi chưa phê duyệt phương án bồi thường (đoạn qua xã Nga Sơn), tính dự phòng 10%		Văn bản số 313/UBND-KT ngày 07/02/2026 của UBND xã Nga Sơn	8.045.102.000	
II	Chi phí xây dựng	533.046.522.000	Cộng 1-2	561.028.234.000	27.981.712.000
1	Phần công trình giao thông	525.327.936.000		535.919.772.000	10.591.836.000
-	<i>Các hạng mục đã phê duyệt</i>		<i>Hợp đồng số 07/2021/HĐXD ngày 29/12/2021 và Phụ lục hợp đồng số 16/PLHD ngày 06/12/2025 giữa Ban QLDA và nhà thầu (không bao gồm chi phí xây dựng, tháo dỡ trạm biến áp, trạm BTXM)</i>	538.272.480.000	
-	<i>Giảm thuế GTGT</i>			-2.352.708.000	
2	Phần điện chiếu sáng	7.718.586.000		25.108.462.000	17.389.876.000
-	<i>Các hạng mục đã phê duyệt</i>	7.718.586.000	<i>Hợp đồng số 24/2024/HĐXD ngày 13/12/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu</i>	7.659.043.000	
-	<i>Các hạng mục điều chỉnh, bổ sung</i>		<i>Dự toán chi tiết</i>	17.449.419.000	
III	Chi phí quản lý dự án	6.328.716.000	1,306% x 512.587.194.108	6.694.389.000	365.673.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	25.343.171.000	Cộng 1-18	25.765.232.000	422.061.000
1	Khảo sát, lập báo cáo NCKT; thiết kế cắm cọc GPMB, MLG	5.075.895.000	Hồ sơ nghiệm thu quyết toán tháng 03/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu	5.075.895.000	-
2	Lập đề cương, nhiệm vụ, giám sát khảo sát bước lập Báo cáo NCKT	295.568.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT	295.568.000	-

STT	Nội dung chi phí	Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư		Chênh lệch (tăng +, giảm -)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
3	Khảo sát bước thiết kế BVTC	6.713.945.000		6.733.945.000	20.000.000
-	<i>Phần công trình giao thông và điện chiếu sáng đã phê duyệt</i>		<i>Hợp đồng số 37/2021/HĐKT ngày 26/5/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu</i>	<i>6.713.945.000</i>	-
-	<i>Phần điện chiếu sáng điều chỉnh, bổ sung</i>		<i>Khái toán theo dự án tương tự</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
4	Lập thiết kế BVTC	5.334.760.000		5.510.301.000	175.541.000
-	<i>Phần công trình giao thông và điện chiếu sáng đã phê duyệt</i>		<i>Hợp đồng số 37/2021/HĐKT ngày 26/5/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu</i>	<i>5.334.760.000</i>	-
-	<i>Phần điện chiếu sáng điều chỉnh, bổ sung</i>		<i>1,006% x 17.449.419.000</i>	<i>175.541.000</i>	<i>175.541.000</i>
5	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát + giám sát khảo sát bước thiết kế BVTC	394.365.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT	394.365.000	-
6	Cấm cọc GPMB và MLG	769.966.000	PLHĐ số 02/2022/PLHĐ ngày 05/3/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu	769.966.000	-
7	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả KS rà phá bom mìn, vật nổ	32.100.000	Hợp đồng số 03/2021/HĐ_TVRPBM ngày 24/12/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu	32.100.000	-
8	Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ	48.527.000	Hợp đồng số 21/2022/HĐ_GSRPBM ngày 28/5/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu	48.527.000	-

STT	Nội dung chi phí	Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư		Chênh lệch (tăng +, giảm -)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
9	Thẩm tra thiết kế BVTC	518.858.000	Hợp đồng số 46/2021/TV-HĐKT ngày 16/7/2021 giữa Ban QLDA và nhà thầu	518.858.000	-
10	Thẩm tra dự toán				
11	Giám sát thi công xây dựng công trình	5.353.840.000		5.527.663.000	173.823.000
-	<i>Phần công trình giao thông và điện chiếu sáng đã phê duyệt</i>	5.353.840.000	<i>Hợp đồng số 01/2022/HĐTVGS ngày 10/01/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu</i>	5.353.840.000	
-	<i>Phần điện chiếu sáng điều chỉnh, bổ sung</i>		1,00% x 17.449.419.000	173.823.000	
12	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000		169.798.000	69.798.000
-	<i>Gói thầu số 05 và số 06</i>		<i>Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT</i>	100.000.000	
-	<i>Gói thầu thi công phần điện chiếu sáng điều chỉnh, bổ sung</i>		0,40% x 17.449.419.000	69.798.000	
13	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	54.064.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT	54.064.000	-
14	Thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000		134.899.000	34.899.000
-	<i>Gói thầu số 05 và số 06</i>		<i>Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT</i>	100.000.000	
-	<i>Gói thầu thi công phần điện chiếu sáng điều chỉnh, bổ sung</i>		0,20% x 17.449.419.000	34.899.000	

STT	Nội dung chi phí	Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư		Chênh lệch (tăng +, giảm -)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
15	Thẩm định HSMT và kết quả LCNT các gói thầu tư vấn	25.421.000	Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT	25.421.000	-
16	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	179.825.000	Hợp đồng số 110/2020/HĐKT ngày 16/10/2020 giữa Ban QLDA và nhà thầu	179.825.000	-
17	Thẩm tra an toàn giao thông	150.000.000	Quyết định số 1306/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 của Sở Xây dựng	98.000.000	-52.000.000
18	Tư vấn giám sát môi trường khi thi công	196.037.000	Hợp đồng số 28/2022/HĐKT ngày 08/7/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu	196.037.000	-
V	Chi phí khác	33.546.942.000	Cộng 1-12	33.819.020.000	272.078.000
1	Thuế tài nguyên, phí môi trường	4.956.315.000	Hợp đồng số 07/2021/HĐXD ngày 29/12/2021 và Phụ lục hợp đồng số 16/PLHD ngày 06/12/2025 giữa Ban QLDA và nhà thầu	4.956.315.000	-
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	484.782.000		401.297.565	-83.484.435
-	<i>Phần chi phí bồi thường GPMB</i>	<i>182.716.110</i>	<i>0,0896%$\times$0,5$\times$ 319.553.640.000</i>	<i>71.580.015</i>	
-	<i>Các hạng mục còn lại</i>	<i>302.066.000</i>		<i>329.717.550</i>	
3	Chi phí kiểm toán	1.244.811.000		1.088.064.673	-156.746.327
-	<i>Phần chi phí bồi thường GPMB</i>	<i>289.060.992</i>	<i>0,128%$\times$0,5$\times$ 319.553.640.000</i>	<i>220.875.476</i>	
-	<i>Các hạng mục còn lại</i>	<i>955.750.400</i>	<i>0,128%$\times$ 627.307.000.000</i>	<i>867.189.197</i>	

STT	Nội dung chi phí	Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư		Chênh lệch (tăng +, giảm -)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
4	Chi phí bảo hiểm công trình	1.322.082.000		1.399.195.000	77.113.000
-	Phần công trình giao thông		Hợp đồng số 07/2021/HĐXD ngày 29/12/2021 và Phụ lục hợp đồng số 16/PLHD ngày 06/12/2025 giữa Ban QLDA và nhà thầu	1.322.082.000	
-	Phần điện chiếu sáng (đã phê duyệt)		Hợp đồng số 24/2024/HĐXD ngày 13/12/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu	30.000.000	
-	Phần điện chiếu sáng (phần điều chỉnh, bổ sung)		0,25% x1,08x 17.449.419.000	47.113.000	
5	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	45.000.000	Theo Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT	45.000.000	-
6	Phí thẩm định thiết kế BVTC	23.966.000		23.966.000	-
7	Phí thẩm định dự toán	22.532.000		22.532.000	-
8	Phí thẩm định hạng mục điện chiếu sáng (Sở Công Thương thực hiện)	1.087.000		1.087.000	-
9	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	1.540.137.000	Hợp đồng số 20/2022/HĐ-RPBM ngày 28/5/2022 giữa Ban QLDA và nhà thầu	1.540.137.000	-
10	Kiểm tra của cơ quan QLNN trong quá trình thực hiện	100.000.000	Theo Quyết định số 1067/QĐ-SGTVT ngày 29/10/2021 của Sở GTVT	100.000.000	-
11	Chi phí cho hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu	50.000.000		50.000.000	-
12	Các chi phí khác:	23.674.750.000		23.933.088.000	258.338.000

STT	Nội dung chi phí	Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư		Chênh lệch (tăng +, giảm -)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
12.1	Hoàn trả đường công vụ (hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do ảnh hưởng khi thi công xây dựng)	22.500.000.000	Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh	22.500.000.000	-
12.2	Đảm bảo ATGT	-	Hợp đồng số 07/2021/HĐXD ngày 29/12/2021 và Phụ lục hợp đồng số 08/PLHĐ ngày 05/7/2024 giữa Ban QLDA và nhà thầu		-
12.3	Xây dựng và tháo dỡ trạm trộn BTXM	760.000.000		760.000.000	-
12.4	Xây dựng và tháo dỡ trạm biến áp	414.750.000		414.750.000	-
12.5	Nghiệm thu đóng điện bàn giao	81.480.000	Dự toán chi tiết	231.399.000	149.919.000
12.6	Nghiệm thu chạy thử thiết bị			26.939.000	26.939.000
VI	Chi phí dự phòng	80.475.127.000	Cộng 1-2	60.255.565.000	-20.219.562.000
1	Dự phòng cho yếu tố phát sinh khối lượng (Cho các công việc còn lại chưa thực hiện bao gồm cả phần, diện chiếu sáng, hoàn trả hạ tầng kỹ thuật do ảnh hưởng khi thi công xây dựng)	23.622.127.000	10% x 146.841.419.000	14.684.141.900	-8.937.985.100
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá (cho phần khối lượng chưa thực hiện và chưa bù giá)	56.853.000.000	9,5% x 479.699.191.000	45.571.423.145	-11.281.576.855
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	1.089.338.478.000	(I+II+III+IV+V+VI)	1.042.178.424.000	-47.160.054.000